

## Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung qua con đường Phật giáo - âm Hán Việt phạm hay phạn? (phần 1.2)

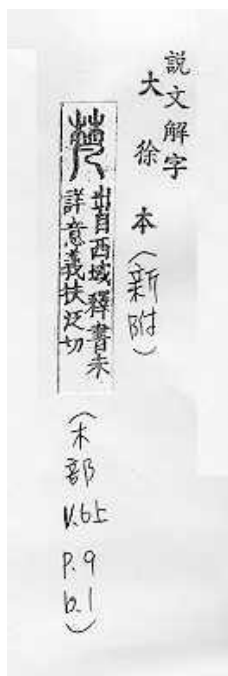
Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

Phần này ghi thêm vài chi tiết bổ túc cho bài viết "Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung qua con đường Phật giáo - âm Hán Việt phạm hay phạn? (phần 1.1)". Nguồn gốc của chữ 梵 phạm/phạn không đơn giản, ngay cả học giả thời Hán Hứa Thận trong Thuyết Văn Giải Tự (TVGT) đã từng ghi rằng

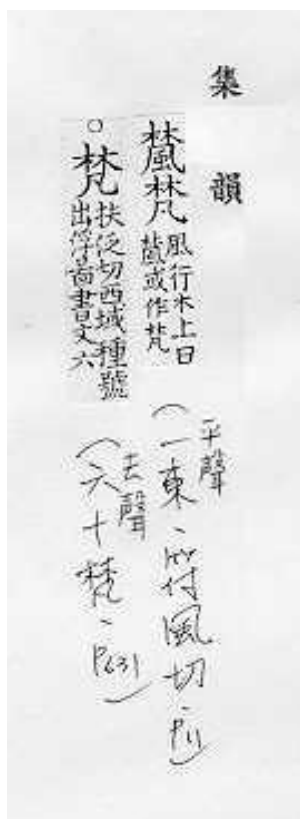
*出自西域釋書，未詳意義*

*Xuất tự Tây Vực Thích thư, vị tường ý nghĩa* (xuất hiện trong kinh Phật từ Ấn Độ, không rõ ý nghĩa - tạm dịch). Xem hình bên dưới



TVGT - Bộ lâm 林 (trong 540 bộ thủ, biên hiệu 3828) có 10 chữ như Sở 楚, sâm 森, mậu 楸, lộc 麓, phàn 梵 ... phạm/phạn 梵 (biên hiệu 3837).

Từ thời Tập Vận (TV - 1037/1067) cho đến Chánh Tự Thông (CTT - 1670) ghi thêm nghĩa (giống) người Ấn Độ (Tây Vực) và là nguồn của kinh Phật (*Phù Đồ thu*). Đây là nghĩa mới nhập vào vốn từ Hán cổ, so với nghĩa cổ hơn là bờm xờm (cây cỏ mọc sum sê).



Tập Vận (TV – năm 1037/1067 – TV phần nhiều dựa vào Quảng Vận - để ý một cách viết khác của phạm/phạn với thành phần hài thanh là phong/phúng 風

1. **Chữ phạm 飯** nghĩa là cơm đã được từ điển Việt Bồ La (VBL/1651) ghi nhận trong mục Thích Ca: " ... cha ông là tịnh phạm vương, mẹ ông là mada phu nhên ..." (trang 761).

tịnh, sách *limpo mundus*,  
a, vm. thịnh tịnh: *puro casto*:  
*purus, castus*, a, vm.  
tịnh phạm vương, vide  
thích.

VBL – trang 800

Thích ca: Xaca; Xaca, æ. is, primus fuit idolorum inuentor in Indijs orientalibus, natus est in ea Indiæ parte quam sinæ thien trúc cồc vocant, patrem habuit tịnh phạn vương, matrem mada phu nhên, vxor illi fuit đạ du phu nhên con lí thien vương, filius eius vocabatur ca haù la. duos habuit diabolos qui illum artem magicã docuerunt Alala scilicet & Calala, in montibus đản đạt vbi primum se rece

VBL – trang 761

Tịnh Phạn Vương 淨飯王 là một cách dịch<sup>1</sup> phỏng theo nghĩa tiếng Phạn शुद्धोदन [ *suddhodana* ] m. N. of a king of the race of the Sâkyas, father of Buddha (vua của bộ tộc Sakya, cha của đức Phật tổ). Những cách dịch khác là Chân Tịnh 眞淨, Bạch Tịnh 白淨, Duyệt Đầu Đản 閱頭檀/悅頭檀, Thủ Đồ Đà Na 首圖駄那 ... Dronodana (斛飯王 Hộc Phạn Vương) là chú ruột của đức Thích Ca - dịch theo nghĩa drona là một đơn vị dung tích (*a measure of capacity*) nên chuyển thành hộc (mười đầu là một hộc). Cơm<sup>2</sup> tiếng Phạn là tihan, tandula (gạo), vrihi, anna (gạo đã nấu chín để ăn) ...v.v... Không phải là dana!

Trong 雜寶藏經 Tạp Bảo Tạng Kinh/TBTK, có câu

淨飯王當于爾時, 在樓閣上

Tịnh Phạn Vương đương vu nhĩ thì, tại lầu các thượng

TBTK soạn bởi sư Ấn Độ 吉迦夜 Cát Già/Ca Dạ (Kinkara, Kekaya) và Đàm Diệu 曇曜 vào năm 472.

## 2. Xaca phiên âm là Thích Ca

Một nhận xét từ định nghĩa của *Thích Ca* trong VBL chữ *Xaca* với phụ âm sát đầu lưỡi x (s) (theo cách viết của VBL) so sánh với phụ âm tắc đầu lưỡi th: *Xaca* (tiếng Phạn Sakya - 釋迦 Thích Ca/Già, VBL – trang 761). Điều này còn thấy trong các cách viết *vị sang/vi thang* (VBL - trang 676/743), *lơ thơ/lơ xơ* (VBL - trang 419). Tương ứng giữa x/s and th vẫn còn để lại vết tích như trên trong thời VBL (năm 1651), cũng như cách dùng *sự thượng đế* (thờ vua trên/VBL - trang 700). Đây là một chủ đề<sup>3</sup> rất thú vị nhưng không nằm trong phạm vi bài viết này.

Các dữ kiện trên cho thấy hai âm phạm và phạm đã hiện diện vào thời VBL (1651), cũng như âm phạm (com). Đây là vết tích của âm Bắc Kinh (so với các âm địa phương) của thời nhà Minh (1368-1644) trong tiếng Việt qua con đường Phật Giáo.

## 3. Phụ chú và phê bình thêm

Khái niệm "làm phúc" đã xuất hiện lâu đời, trong Kinh Thi (chương Hồng Phạm 洪範) nhắc đến năm loại phúc

*五福：一曰壽，二曰富，三曰康寧，四曰攸好德，五曰考終命*

*Ngũ phúc：nhất viết thọ， nhị viết phú， tam viết khương ninh， tứ viết du hảo đức， ngũ viết khảo chung mệnh*

Học giả thời Hán Hoàn Đàm 桓譚 (43 TCN - 28 SCN) thì cho *ngũ phúc* là 壽、富、貴、安樂、子孫眾多 (thọ, phú, quý, an lạc, tử tôn chúng đa/nhiều con cháu). Cũng có tác giả cho *vô bệnh 無病* là một trong ngũ phúc (cũng liên hệ đến an lạc hay thọ ...), và *nhân hoà 人和* (thích hợp, thiên thời địa lợi nhân hoà) thay vì *chung mệnh* (theo học giả hiện đại TQ Vương Diên Thanh 王延青) ...v.v...

Khái niệm về phúc như trên có phần giống như Phật Giáo (làm việc thiện so với ác), tuy PG chú trọng nhiều đến làm phúc (nhân) so với hưởng phúc (quả), cũng như tạo nghiệp lành cho đời sau (hậu kiếp, kiếp sau so với kiếp trước) qua khả năng *luân hồi* ... (A) Trong "Duy Ma Cật sở thuyết kinh" 維摩詰所說經, pháp sư Cưu-Ma-La-Thập cũng dùng từ ghép *phạn hành*

不著三界。示有妻子。常修梵行。現有眷屬。常樂遠離

Bất trú tam giới。 kì hữu thê tử。 thường tu phạn hành。 hiện hữu quyến chúc。 thường nhạc viễn li

(A) khái niệm về thời gian, đặc biệt là khả năng kéo dài thời gian ra (time dilation/giãn nở thời gian) cho ta khả năng liên kết thêm một số yếu tố khác với một cách nhìn bao quát và chính xác hơn. Đây là cách nhìn “phúc” từ đời trước đến đời sau, một số là kết quả mà nhiều khi ta không ảnh hưởng/ý thức được (vd. vì đã nằm trong **gen** của con người), đem Phật giáo đến gần khoa học thực nghiệm và lý thuyết tương đối cận đại ... Một chủ đề rất thú vị nhưng không nằm trong phạm vi bài viết này, bạn đọc có thể tham khảo các bài viết (Nguyễn Cung Thông) liên hệ như

**“Phương pháp giải quyết vấn đề và tứ diệu đế”** trang

<http://www.daophatngaynay.com/vn/phat-phap/giao-phap/bon-chan-ly/4690-Phuong-phap-giai-quyet-van-de-va-Tu-Dieu-De-phan-1-.html> hay <http://thuvienhoasen.org/a4820/phuong-phap-giai-quyet-van-de-va-tu-dieu-de> ...

**"Tản mạn về từ Hán Việt - Thì thời"** trang [http://khoavanhoc-](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/attachments/article/4101/T%E1%BA%A3n%20m%E1%BA%A1n%20v%E1%BB%81%20t%E1%BB%AB%20H%C3%A1n%20Vi%E1%BB%87t%20th%E1%BB%9D-li.pdf)

[ngonngu.edu.vn/home/attachments/article/4101/T%E1%BA%A3n%20m%E1%BA%A1n%20v%E1%BB%81%20t%E1%BB%AB%20H%C3%A1n%20Vi%E1%BB%87t%20th%E1%BB%9D-li.pdf](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/attachments/article/4101/T%E1%BA%A3n%20m%E1%BA%A1n%20v%E1%BB%81%20t%E1%BB%AB%20H%C3%A1n%20Vi%E1%BB%87t%20th%E1%BB%9D-li.pdf) ...v.v...

1) Trích từ trang <http://dsalsrv02.uchicago.edu/cgi-bin/romadict.pl?page=163&table=macdonell&display=utf8> . *Suddha* tiếng Phạn nghĩa là tinh khiết (trong sạch), cho nên từ ghép *asuddha* nghĩa là dơ bẩn, xấu xa ... *Dana* là thí 施 (bố thí/tặng/cho, nghĩa rộng hơn so với tục bố thí thức ăn như cơm trong cách dịch nghĩa Tịnh Phạn Vương) (B). *Suddhacandra* (*Shuddhachandra*, *chandra* nghĩa là mặt trăng, có gốc *chand* là chiếu sáng/shine - so với trắng và trắng tiếng Việt) dịch là Tịnh Nguyệt 淨月 - một trong 10 vị Đại Luận Sư của Duy Thức Luận. Con gái chưa lấy chồng, sữa không có nẫu (chín), nước từ sông Hằng Hà ... đều được coi là *suddha* (tinh khiết).

Bồ thí cũng có nhiều loại: bồ thí tinh thân/đạo (vidya Dāna), bồ thí ruộng đất (Bhu Dāna), bồ thí con bò (Go Dāna), bồ thí thuốc men ... Trong kinh Tiểu Thừa (tiếng Phạn Nam/Pali) có câu

*Sabba danam, Dhamma danam jinati*

*Trong các loại bồ thí thì cho (truyền bá, bồ thí) đạo là cao nhất*

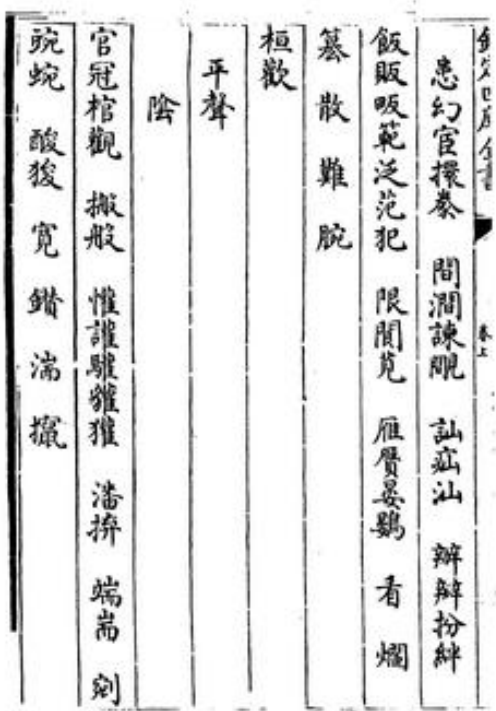
(B) Cách dùng "Tịnh Phạn" lặp lại trong Phép Giảng Tám Ngày, tuy nhiên có vài điểm cần nêu ra ở đây là tên hai vị thầy của đức Phật Tổ, LM de Rhodes có ghi sai tên thứ nhì là Calala - có lẽ là sai từ nguồn chép tên (khá dài) của *Alala Kalama* (Kalama viết nhầm thành Calala?). Tên của đứa con duy nhất của đức Phật Tổ là Rahula (La Hầu La) cũng viết (sắp chữ?) nhầm thành *ca hầu la* (xem hình chụp bên trên), và trong Phép Giảng Tám Ngày lại ghi là con gái:

*"... bên Thiên Trúc quốc thì có vua, tên là Tịnh Phạn, mà đẻ con, dạ thì sáng, song kiêu ngạo lắm. đã lấy con vua nào gần đấy gả cho, mà sinh đẻ được một con gái đoan, thì khiến đi ở trên rừng một mình, dẫu vợ cãi mà chẳng cho, vì mình đã quen làm việc dối, như pháp môn phù thủy, và muốn cho người ta hãi mà khen nó, và lòng lảo thông dong nói khó cùng ma quỷ. Mà trong nhiều quỷ dạy nó, thì có hai quỷ, tên là Alala và Calala, quen làm thầy nó liên, mà nó thì ngồi giữa hai thầy quỷ ấy ..."* (Phép Giảng Tám Ngày, Ngày thứ bốn - LM de Rhodes). Các sai lệch trong VBL và Phép Giảng Tám Ngày (như nhìn từ lăng kính tôn giáo) cần được khai triển và hiểu rõ thêm, nhưng không nằm trong phạm vi bài viết này.

2) Xem thêm chi tiết trang này <http://www.spokensanskrit.de/index.php?tinput=rice&link=m>

3) Xem thêm loạt bài "**Sinh thì là chết?**" cùng tác giả (Nguyễn Cung Thông) trên trang [http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=4642%3Atn-mn-v-t-han-vit-sinh-thi-la-cht-phn-111&catid=71%3Angon-ng-hc&Itemid=107&lang=vi](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=4642%3Atn-mn-v-t-han-vit-sinh-thi-la-cht-phn-111&catid=71%3Angon-ng-hc&Itemid=107&lang=vi) hay <http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=21153> ...v.v...

Vào thời **Trung Nguyên Âm Vận**, các chữ phạn 飯 phạm 犯 phạm 范 phán/phiến 販 (C) ... đều cùng vần - xem hình bên dưới



Trung Nguyên Âm Vận (1324)

(C) tiếng Việt còn duy trì âm cổ của phán/phiến là **bán** (mua bán).